

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2023

“Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thảo;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung, kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Huỳnh Công H, sinh 1985; địa chỉ: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh 1990; địa chỉ: Tổ A, phường A, thị xã A, Gia Lai. Hiện đang cư trú tại: Thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Huỳnh Công H trình bày có nội dung thể hiện: Tôi và Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai theo giấy đăng ký kết hôn số 14 ngày 18/5/2015. Sau khi kết hôn chúng tôi sinh sống hạnh phúc một thời gian ngắn sau đó có phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không hợp nhau về mọi mặt nên sống không có hạnh phúc và cô T đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ tại xã S và ly thân với tôi từ năm 2021 đến nay. Chúng tôi thật sự không còn tình cảm vợ chồng với nhau nên tôi yêu được được ly hôn với Nguyễn Thị Thanh T. Về con chung: Chúng tôi không có con chung nên tôi không ý kiến gì. Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt nhưng có bản khai trong hồ sơ thể hiện: Tôi và anh H có thời gian tự nguyện chung sống, kết hôn như anh H đã trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do không hợp nhau nên tôi bỏ về nhà cha mẹ đẻ tại xã S và ly thân với anh H. Hôm nay anh H yêu cầu ly hôn thì tôi không có ý kiến gì, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Chúng tôi chưa có con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tổ tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Công H. Về hôn nhân cho anh H được ly hôn với chị T. Về con chung anh H và chị T chưa có con chung nên không đề cập. Về án phí, anh H phải chịu số tiền 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Huỳnh Công H yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T, cư trú tại xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết vụ án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn. Chị Nguyễn Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Vì thế theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tổ tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân đó là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa anh H và chị T có phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân với nhau từ năm 2021 nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị T. Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa anh H cho rằng giữa anh và chị T mâu thuẫn từ lâu và đã ly thân nhau thời gian dài nên giữa hai người không còn tình cảm vợ chồng nữa nên không thể trở về đoàn tụ được. Xét thấy, hiện nay anh H và chị T đã không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm gì đến tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị T đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của anh H có cơ sở nên chấp nhận, cho anh Huỳnh Công H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Anh H và chị T không có con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Công H.

- Về hôn nhân: Anh Huỳnh Công H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T.

- Về án phí: Buộc anh Huỳnh Công H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00067257 ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26/9/2023) các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- UBND xã S, TX. A (để ghi vào sổ hộ tịch; Kết hôn số 14, ngày 18/5/2015);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Trung Toàn